TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **195**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 07/6/2024.
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trịnh Minh Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Phẩm Dũng Phát

Ông Phạm Văn Hễ

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Viết Nhiên – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 07/6/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân dân Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 153/2024/TLST-HNGĐ ngày 24/4/2024 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2675/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Le Hiep T, sinh năm 1973.

Địa chỉ: 4832 Austin Ave APT 4, Mcallen, TX 78501, USA (Hoa Kỳ).

- *Bị đơn*: Ông Lương Thanh D, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Số 11/19 đường PTH, Phường X, Quận Y, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, bà Le Hiep T trình bày:

Bà Le Hiep T và ông Lương Thanh D tự nguyện kết hôn năm 2017 theo giấy chứng nhận kết hôn số 199 do Ủy ban nhân dân Quận Y, Thành phố H cấp ngày 19/10/2017.

Sau khi kết hôn, bà Le Hiep T trở về nước Hoa Kỳ sinh sống, ông Lương Thanh D sinh sống tại Việt Nam. Do bất đồng quan điểm sống, ông Lương Thanh D không đồng ý sang nước Hoa Kỳ chung sống với bà Le Hiep T, từ đó tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã ly thân 06 (Sáu) năm nay. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không đem lại hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được, không còn khả năng hàn gắn, bà Le Hiep T yêu cầu ly hôn ông Lương Thanh D.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại bản khai ngày 17/5/2024, ông Lương Thanh D trình bày:

Ông Lương Thanh D đồng ý thống nhất trình bày của bà Le Hiep T về việc đăng ký kết hôn, mâu thuẫn giữa vợ chồng, con chung, tài sản chung, nợ chung.

Bà Le Hiep T khởi kiện yêu cầu ly hôn, ông Lương Thanh D có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lương Thanh D đồng ý ly hôn bà Le Hiep T.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bà Le Hiep T và ông Lương Thanh D yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố H giải quyết, xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Le Hiep T yêu cầu ly hôn đối với bị đơn ông Lương Thanh D, đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về "Ly hôn theo yêu cầu của một bên" theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, thuộc trường hợp "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn bà Le Hiep T đang cư trú tại nước USA (Hoa Kỳ), bị đơn ông Lương Thanh D cư trú tại Quận Y, Thành phố H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa gia đình và người chưa thành niên Tòa án nhân dân Thành phố H theo quy định tại Điều 35, Điều 37, Điều 38, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét sự vắng mặt của nguyên đơn bà Le Hiep T, bị đơn ông Lương Thanh D tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Le Hiep T và bị đơn ông Lương Thanh D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt bà Le Hiep T và ông Lương Thanh D theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Le Hiep T đối với bị đơn ông Lương Thanh D, xét thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 199 ngày 19/10/2017 do Ủy ban nhân dân Quận Y, Thành phố H cấp cho bà Le Hiep T và ông Lương Thanh D; có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Le Hiep T và ông Lương Thanh D là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà Le Hiep T yêu cầu ly hôn ông Lương Thanh D với lý do sau khi kết hôn, bà Le Hiep T trở về nước Hoa Kỳ sinh sống, ông Lương Thanh D sinh sống tại Việt Nam. Do bất đồng quan điểm sống, ông Lương Thanh D không đồng ý sang nước Hoa Kỳ chung sống với bà Le Hiep T, từ đó tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã ly thân 06 (Sáu) năm nay. Đối với ông Lương Thanh D cũng thừa nhận trình bày của bà Le Hiep T là đúng và đồng ý ly hôn bà Le Hiep T. Xét thấy, tình nghĩa vợ

chồng giữa bà Le Hiep T và ông Lương Thanh D không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; điều kiện sống mỗi người mỗi nơi không có sự chia sẻ, thực hiện các công việc trong một gia đình; khả năng đoàn tụ không có nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Le Hiep T ly hôn ông Lương Thanh D theo quy định tại Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Bà Le Hiep T và ông Lương Thanh D trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Le Hiep T và ông Lương Thanh D trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Le Hiep T phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 91, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 121, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Le Hiep T đối với bị đơn ông Lương Thanh D:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Le Hiep T ly hôn ông Lương Thanh D.

Giấy chứng nhận kết hôn số 199 ngày 19/10/2017 do Ủy ban nhân dân Quận Y, Thành phố H cấp cho bà Le Hiep T và ông Lương Thanh D không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. *Về con chung:* Không xem xét, giải quyết.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Không xem xét, giải quyết.

4. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Bà Le Hiep T phải chịu là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0032823 ngày 09/4/2024 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố H.

5. *Về quyền kháng cáo Bản án:*

Bà Le Hiep T cư trú ở nước ngoài, vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 (Một) tháng kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Ông Lương Thanh D vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.H;
- VKSND cấp cao tại TP.H;
- VKSND TP.H;
- Cục THADS TP.H;
- UBND QY, TP.H;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)
Phan Trịnh Minh Đức